

ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU CƠ CHẾ ĐẦU TƯ PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

PHẠM VĂN VANG^(*)

Từ tháng 10/2006 Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu: Chính sách đẩy mạnh phát triển khoa học xã hội và đổi mới cơ chế hoạt động và quản lý khoa học xã hội. Bài viết này nêu lên một số đánh giá bước đầu về thực trạng cơ chế đầu tư, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học xã hội trong thời gian qua và đề xuất một số ý kiến về việc đổi mới cơ chế chính sách tài chính cho hoạt động và quản lý khoa học xã hội trong thời gian tới.

Khoa học xã hội (KHXH) ngày càng được khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội cũng như trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, phát triển toàn diện con người ở mỗi quốc gia.

Ở nước ta, KHXH ngày càng được coi trọng. Những kết quả nghiên cứu của KHXH đã được Đảng và Nhà nước đánh giá cao, góp phần quan trọng vào việc xác lập nền tảng tư tưởng, cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước, khẳng định nguồn gốc, truyền thống lịch sử và bản sắc văn hoá dân tộc.

Hoạt động nghiên cứu KHXH là loại hình hoạt động trí não hết sức đặc thù. Kết quả hoạt động của nó đem lại sản phẩm mang giá trị định tính rất cao, khó

có thể đánh giá, đo lường chính xác về mặt định lượng. Chi phí lao động vật hoá không nhiều so với khoa học tự nhiên (KHTN) và khoa học công nghệ (KHCTN), nhưng chi phí lao động sống nhiều và có hiệu quả rất lớn. Tuy nhiên, việc đo lường, đánh giá số lượng thời gian lao động cần thiết, cường độ và hiệu suất lao động trong KHXH gặp rất nhiều khó khăn. Việc định mức chi phí vật chất trong lao động khoa học và theo dõi, kiểm soát quá trình thực thi hoạt động KHXH theo lối hành chính trực quan là *không phù hợp. Đầu tư, phân bổ ngân sách nhà nước cho các hoạt động KHXH cần phải có cơ chế đặc thù, thích hợp.*

Nhà nước ta rất quan tâm đầu tư tài chính, xây dựng chính sách phát triển KH

^(*) TS. Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

- CN, nhất là sau khi Luật Ngân sách nhà nước ban hành, Nghị quyết BCHTW 02 khoá VIII, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá X quyết định dành 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động KH- CN. Tuy vậy, hiện nay vẫn *chưa có cơ chế xác định cơ cấu, tỷ lệ đầu tư tài chính cho các lĩnh vực khoa học, trong đó có KHXH*, đồng thời các định mức chi đối với các lĩnh vực khoa học, nhất là KHXH *chưa dựa trên tính chất đặc thù, cho nên lạc hậu xa so với thực tiễn*, hoạt động KHXH vì thế gặp rất nhiều khó khăn do không đủ kinh phí, cơ chế sử dụng tài chính chưa phù hợp, làm hạn chế chức năng kích thích lao động sáng tạo. Bởi vậy, *việc nghiên cứu đổi mới cơ chế đầu tư, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động KHXH trở thành yêu cầu cần thiết.*

I. Đánh giá bước đầu thực trạng cơ chế đầu tư, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động KHXH

1. Về cơ chế đầu tư, phân bổ ngân sách

Ngày nay, nhiều nước trên thế giới quan niệm đầu tư ngân sách Nhà nước cho KH - CN là *đầu tư cho phát triển*, đầu tư chính cho tương lai của dân tộc. Vì vậy mức độ đầu tư ngân sách của Nhà nước, của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác đối với KH - CN ngày một tăng. Điều đó phản ánh trình độ phát triển của đất nước, sự quan tâm đến KH - CN, coi trọng đến tương lai của mỗi dân tộc.

Ở nước ta, do tính chất cạnh tranh trong sản xuất chưa cao nên các doanh nghiệp chỉ mới đầu tư rất ít cho KH - CN, mà chủ yếu đầu tư để đổi mới công nghệ. Các nguồn tài trợ nước ngoài cho KH - CN cũng rất thấp, nhất là đối với KHXH. Bởi vậy, *đầu tư tài chính cho KH - CN ở nước*

ta chủ yếu từ nguồn đầu tư của Nhà nước, đặc biệt trong một số lĩnh vực hoạt động KHXH, nguồn đầu tư tài chính hầu như từ ngân sách nhà nước.

Theo tài liệu của Bộ KH&CN, giai đoạn từ năm 1995 về trước, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng dành từ 0,89 đến 1,14% chi ngân sách hàng năm cho KH - CN. Từ sau khi có Nghị quyết BCHTW 02 khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển KH - CN trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH), mức đầu tư kinh phí cho KH - CN tăng lên đáng kể: năm 2000 đạt mức 2% chi ngân sách, tăng gấp đôi năm 1999. Giai đoạn 2001 - 2005, mức đầu tư kinh phí cho KH - CN vẫn đảm bảo 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm, nhưng lượng kinh phí đầu tư tuyệt đối năm sau cao hơn năm trước, tương đương 0,52% GDP mỗi năm. Tuy nhiên, mức đầu tư kinh phí cho KH - CN của nước ta cũng mới chỉ bằng 16 - 25% mức đầu tư kinh phí cho KH - CN của một số nước phát triển trên thế giới.

Về cơ cấu đầu tư tài chính cho KH - CN của nước ta, 10 - 30% dành cho đầu tư phát triển (giai đoạn 1996 - 2000) và 31,1 - 41% (giai đoạn 2001 - 2005) theo hướng tăng dần, bao gồm xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, đầu tư chiều sâu, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ khoa học cho các tổ chức KH - CN; 70- 90% dành cho chi sự nghiệp khoa học (giai đoạn 1996 - 2000) và 59 - 68,9% (giai đoạn 2001 - 2005) theo xu hướng giảm dần, nhưng lượng kinh phí đầu tư tuyệt đối năm sau vẫn cao hơn năm trước, bao gồm 18,2 - 35,1% chi lương và quản lý bộ máy; 25,5 - 42,1% chi các nhiệm vụ trọng điểm cấp nhà nước; 39,4 - 49,2% chi hỗ trợ các nhiệm vụ KH - CN cấp bộ, ngành (tính cho giai đoạn 1996 - 2000).

Mức đầu tư tài chính nêu trên được

phân bổ theo cơ cấu: 76 - 79% dành cho nhiệm vụ KH - CN trọng điểm cấp nhà nước và hoạt động KH - CN các bộ, ngành ở trung ương, 21 - 24% còn lại dành cho hỗ trợ hoạt động KH - CN ở các địa phương (giai đoạn 1996-2000). Giai đoạn 2001 - 2005, nhiệm vụ trọng điểm cấp nhà nước chỉ chiếm 13% và hoạt động KH - CN các bộ, ngành chiếm 56%, nên mức hỗ trợ tài chính cho hoạt động KH- CN ở các địa phương được cải thiện hơn, đạt 31% do đầu tư tài chính cho KH - CN ở các cơ quan Trung ương giảm xuống một phần. Tuy nhiên, hoạt động KH - CN ở các địa phương còn có nguồn đầu tư kinh phí từ nguồn thu ngân sách của địa phương, chiếm trên dưới 1% tổng chi ngân sách hàng năm. Mức đầu tư tài chính từ ngân sách địa phương chiếm khoảng 15% tổng chi ngân sách địa phương dành cho hoạt động KH - CN ở địa phương. Mức đầu tư kinh phí này, 54 - 62% dành cho nghiên cứu triển khai các chương trình, đề tài, dự án khoa học, 16 - 19% dành cho hoạt động thông tin, đo lường chất lượng, sở hữu công nghiệp, hợp tác quốc tế; 15 - 24% dành cho mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ khoa học; 4,2 - 7% dành cho quản lý môi trường, số còn lại dành cho các hoạt động công nghệ thông tin và chi khác không đáng kể.

Đối với hoạt động KHXXH, mức đầu tư tài chính nhìn chung còn thấp và chủ yếu là nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Các doanh nghiệp chưa có sự đầu tư tài chính cho KHXXH, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài (FDI), kinh phí dành cho hoạt động KHXXH, nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp cũng không đáng kể. Nguồn đầu tư của các dự án ODA, tài trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ đối với KHXXH cũng rất thấp so với các lĩnh vực

KHTN và KHCN. Đặc biệt trong một số lĩnh vực KHXXH hầu như chưa có sự đầu tư tài chính của nước ngoài.

Theo tài liệu của Bộ KH- CN, *tỷ lệ đầu tư cho hoạt động KHXXH nước ta hiện nay mới chỉ đạt 18 - 20% tổng kinh phí đầu tư cho KH - CN hàng năm từ ngân sách nhà nước*^(*). Trong khi các nước phát triển, tỷ lệ này thường đạt từ 30 thậm chí đến 50%.

Mức đầu tư tài chính cho hoạt động KHXXH ở các địa phương cũng phản ánh rất rõ thực trạng đầu tư tài chính còn thấp như đầu tư cho các nhiệm vụ trọng điểm cấp nhà nước và đầu tư tài chính

^(*) Giai đoạn 1996 - 2000, Nhà nước đầu tư 7 chương trình cấp nhà nước về KHXXH, gồm 70 đề tài và chuyên đề, với tổng kinh phí 35,6 tỷ đồng, chỉ đạt 3,5% tổng kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ KH - CN trọng điểm cấp nhà nước (hàng năm chỉ chiếm 1 - 6,7%); đồng thời đầu tư kinh phí thực hiện 64 đề tài độc lập cấp nhà nước, với tổng kinh phí 41,8 tỷ đồng, chiếm 36,7% tổng kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ KH - CN cấp nhà nước. Trong khi đó kinh phí đầu tư cho 11 chương trình cấp nhà nước về KHCN là 262,3 tỷ đồng, chiếm 25,8% tổng kinh phí đầu tư cho KH - CN (mỗi năm đạt 12,2 - 38,9% cho các nhiệm vụ KH - CN cấp nhà nước, gấp 7,4 lần mức đầu tư cho các chương trình cấp nhà nước về KHXXH. Đó là chưa kể đầu tư kinh phí cho nghiên cứu cơ bản về KHTN chiếm khoảng 4,1% (mỗi năm 3,7 - 5,2%), cao hơn nhiều mức đầu tư cho các chương trình cấp nhà nước về KHXXH, trong khi các ngành KHXXH chưa được đầu tư kinh phí cho nghiên cứu cơ bản. Đó cũng chưa kể kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ KHCN khác chiếm tới 55,4% (hàng năm chiếm 43,5 - 67,5%) tổng kinh phí đầu tư cho các nhiệm vụ KH - CN cấp nhà nước trong cùng một thời gian.

Giai đoạn 2001 - 2005, Nhà nước đầu tư thực hiện 10 chương trình cấp nhà nước về KHXXH (bao gồm cả chương trình chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long), gồm 101 đề tài, với tổng kinh phí 112,58 tỷ đồng. Trong khi đó 10 chương trình nghiên cứu cơ bản cấp nhà nước về KHTN, gồm 1.683 đề tài, kinh phí đầu tư là 170 tỷ đồng, 10 chương trình cấp nhà nước về KHCN gồm 420 đề tài, được đầu tư 927 tỷ đồng, gấp gần 9 lần đầu tư cho các chương trình cấp nhà nước về KHXXH

cho các bộ, ngành ở trung ương. Theo tài liệu của Bộ KH&CN, Bộ Tài chính, mức đầu tư tài chính cho hoạt động KHXH ở các địa phương chỉ chiếm trên dưới 20% tổng kinh phí đầu tư cho KH- CN hàng năm ở các địa phương. Tỉnh đầu tư cao nhất cho KHXH như Thanh Hoá cũng chỉ đạt 38,3%, tỉnh đầu tư trung bình như Bà Rịa - Vũng Tàu đạt 23,5%, Thành phố Hồ Chí Minh 11,6%; tỉnh đầu tư thấp nhất là Trà Vinh chỉ đạt 4,8% tổng kinh phí đầu tư cho KH - CN (tính cho giai đoạn 1996 - 2002).

Xét về đầu tư tài chính giữa hai trung tâm khoa học lớn, đầu ngành của nước ta: Viện KH&CN Việt Nam và Viện KHXH Việt Nam, nơi được Nhà nước ưu tiên đầu tư phân bổ ngân sách hàng năm cũng phản ánh rất rõ thực trạng đầu tư tài chính cho Viện KHXH Việt Nam thấp hơn so với Viện KH&CN Việt Nam^(*). Xét theo phương diện đầu tư tài chính cho đơn vị nghiên cứu, mức đầu tư tài chính cho các Viện nghiên cứu thuộc KHXH cũng vào loại thấp. Theo tài liệu của Viện Chiến lược và chính sách KH&CN, Bộ KH&CN, giai đoạn 1996 - 2000, bình quân đầu tư tài chính cho một Viện nghiên cứu KH - CN đạt 4.847,3 triệu đồng, trong đó nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước: 3.441,2 triệu đồng. Trong khi đó đầu tư tài chính cho một viện nghiên cứu về KHXH chỉ đạt 2.122,6 triệu đồng, trong đó nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước: 1.915,1 triệu đồng, thấp nhất trong các

lĩnh vực nghiên cứu KH - CN ở nước ta, chỉ bằng khoảng 45% so với KHTN, 41,2% so với KHCN.

2. Về cơ chế quản lý, sử dụng ngân sách

Cơ chế quản lý, sử dụng ngân sách hiện nay đối với KHXH cũng giống như KHTN và KHCN, áp dụng theo Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp quy hướng dẫn quản lý, sử dụng tài chính nói chung đối với KH - CN, mà chưa có quy định riêng cho hoạt động KHXH, kể từ khâu lập, xét duyệt, giao dự toán, sử dụng và thanh quyết toán đến khâu kiểm tra, phê duyệt quyết toán tài chính.

Về định mức chi cho hoạt động KHXH cũng dựa vào các văn bản quy định, như Thông tư liên tịch số 49/TC-KHCN ngày 1/7/1995 (giai đoạn 1996 - 2000) và Thông tư liên tịch số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 18/6/2001 (giai đoạn từ 2001 đến nay) của Bộ TC và Bộ KHCNMT hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ KH - CN. Hiện nay, Nghị định số 115/2005/NĐ - CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH - CN công lập, Thông tư liên tịch số 93/2006/BTC-BKHCN của Bộ TC, Bộ KH&CN hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, bước đầu có sự đổi mới trong quản lý và sử dụng tài chính đối với hoạt động KH - CN nói chung, KHXH nói riêng. Tuy nhiên, việc khoán chi một số hoạt động như chi tiền công, thù lao thực hiện một số nội dung nghiên cứu, nhận xét, đánh giá khoa học, mua tài

^(*) Giai đoạn 1996 - 2000 mức đầu tư tài chính của Viện KHXH Việt Nam chỉ bằng 51 - 82,2 % (theo xu hướng giảm dần) mức đầu tư tài chính của Viện KH-CN Việt Nam (tính bình quân cả giai đoạn này chỉ đạt 60,1%). Năm 2006, mức đầu tư tài chính của Viện KHXH Việt Nam lại còn thấp hơn, chỉ đạt chưa đầy 50% so với Viện KH - CN Việt Nam (140,2 tỷ/290 tỷ).

liệu, sách báo, chi hội thảo khoa học, biên soạn công trình, in ấn sách chuyên khảo, mua văn phòng phẩm trực tiếp phục vụ đề tài, dự án khoa học *vẫn phải lấy các định mức chi hiện hành làm cơ sở*, mặc dù mức chi cụ thể có thể cao hơn hoặc thấp hơn. *Các nội dung không được giao khoán vẫn thực hiện như cũ.* Vì thế nhìn chung cơ chế quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với KHXH chỉ cải thiện được một phần, *vẫn bộc lộ những đặc điểm làm hạn chế quá trình phát triển của KH - CN nói chung, KHXH nói riêng*, được thể hiện ở những điểm sau:

- Quy trình lập, xét duyệt, giao dự toán kinh phí *vẫn mang tính chất hành chính*, quá nhiều thủ tục, khó khăn cho đơn vị và cá nhân sử dụng ngân sách, khó chủ động và thay đổi trong cơ cấu chi cũng như trong hoạt động khoa học theo cơ chế thị trường.

- Hệ thống tiêu chuẩn, định mức chi *đã bắt cập so với tình hình thực tiễn*, vì Thông tư liên tịch số 45 sau 6 năm thực hiện đã quá lạc hậu, gây ra tình trạng “nói dối” trên văn bản chứng từ sử dụng Ngân sách nhà nước trong hoạt động khoa học.

- Việc điều chỉnh dự toán của đề tài, dự án khoa học còn nhiều thủ tục rườm rà, mất thời gian, kể cả việc sử dụng kinh phí tiết kiệm được khi thực hiện khoán chi đề tài, dự án và sử dụng tiền bán sản phẩm khoa học khi thực hiện xã hội hoá kết quả nghiên cứu.

- Hệ thống mẫu biểu, báo cáo và chứng từ thanh quyết toán tài chính còn phức tạp, trùng lặp *đã làm cho khối lượng công việc quá nặng nề của người làm công tác quản lý tài chính - kế toán cũng như chủ nhiệm đề tài, dự án khoa*

học trong quá trình thực hiện, lập hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán thay vì hoạt động chuyên môn, *nhưng thực tế cách quản lý này lại quá lỏng lẻo, tạo nên những kẽ hở cho các hiện tượng tiêu cực nảy sinh.*

- Mối quan hệ giữa tổ chức KH - CN, cơ quan chủ trì với chủ nhiệm đề tài, dự án khoa học hiện đang nảy sinh những vấn đề phức tạp do phân định thiếu rõ ràng giữa trách nhiệm và quyền lợi trong hoạt động khoa học, quản lý và sử dụng tài chính.

Nhìn chung lại, thực trạng cơ chế đầu tư phân bổ ngân sách nhà nước cho KHXH chưa theo một quy định cụ thể, rõ ràng. Vì vậy mức đầu tư cho hoạt động KHXH còn thấp (xét cả về phương diện vĩ mô cũng như vi mô) làm hạn chế khả năng sáng tạo, phát triển KHXH, đáp ứng yêu cầu cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời cơ chế quản lý và sử dụng tài chính đối với KHXH, mặc dù đã có những đổi mới tiến bộ so với trước, nhưng đã bộc lộ những hạn chế cần phải sớm khắc phục mới đem lại hiệu quả cao trong đầu tư tài chính cũng như trong hoạt động nghiên cứu lý luận, nghiên cứu tổng kết thực tiễn.

II. Những vấn đề đặt ra đối với cơ chế đầu tư phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động KHXH

Để khắc phục những nhược điểm của cơ chế đầu tư phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động KHXH, cần nghiên cứu giải quyết những vấn đề bức xúc sau đây:

1. Trước hết cần nâng mức đầu tư tài chính cho hoạt động KHXH trên cơ sở đổi mới quan điểm đầu tư phân bổ và

xác định lại mức chi tài chính cho phù hợp.

Đây là cơ sở đặc biệt quan trọng để tạo nguồn ngân sách đầu tư cho hoạt động KHXH. Bởi vậy cần quan niệm đúng và đầy đủ về nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và tư vấn chính sách để xây dựng các mức đầu tư tài chính thích đáng cho KHXH; đồng thời phải xác định rõ các yếu tố cấu thành chi phí đầu vào của nghiên cứu KHXH như thông tin, tư liệu, hội thảo... Đặc biệt chi phí thực hiện điều tra khảo sát thực tiễn trong nước và ngoài nước phải đầu tư kinh phí rất lớn. Nếu như trong KHCN và KHTN chi phí phòng thí nghiệm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng đầu tư kinh phí khoa học, thì trong KHXH, điều tra khảo sát trong nước và nước ngoài cũng chiếm tỷ trọng chi phí lớn không kém như chi cho phòng thí nghiệm trong KHCN và KHTN. Ngoài ra còn chi phí hoạt động phục vụ kết quả nghiên cứu đầu ra của KHXH như tạp chí, xuất bản, kiến nghị khoa học đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý, nâng cao trình độ dân trí cũng chiếm một phần không nhỏ. Do đó cần xây dựng một cơ cấu tỷ lệ đầu tư tài chính cho các lĩnh vực khoa học một cách khách quan, khoa học. Đồng thời xác định hợp lý định mức chi phí hoạt động thường xuyên cho KHXH theo tính chất đặc thù, tạo điều kiện phát triển nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực KHXH.

2. Đổi mới phương thức lập, xét duyệt và giao dự toán ngân sách nhà nước cho phù hợp với đặc điểm hoạt động KHXH trên cơ sở bảo đảm quy trình nghiên cứu khách quan, phương pháp lập dự toán khoa học, tính toán

đầy đủ chi phí đầu vào, đầu ra và khối lượng công việc của đề tài, dự án.

Yêu cầu cần thiết của việc đổi mới quy trình và phương pháp lập, xét duyệt và giao dự toán này là *phải gắn chặt với quy trình xây dựng, thẩm định và xét duyệt kế hoạch của các đơn vị, tổ chức KH - CN*. Phương pháp quản lý khoa học hiện đại là thực hiện kế hoạch hoá trong nghiên cứu khoa học, trong đó lấy trọng tâm là *xác định trước kết quả đầu ra và dựa vào kết quả đầu ra là chủ yếu để xác định đầu tư kinh phí* đặt trong tầm nhìn trung hạn 3-5 năm liên tục và thực hiện biện pháp không giới hạn giá trị kinh phí đầu tư cho đề tài, dự án khoa học chỉ đến 31 tháng 12 hàng năm.

Hơn nữa, khi thực hiện phương thức tuyển chọn (đấu thầu) và xét chọn chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, ngoài việc xét duyệt đề cương nghiên cứu còn phải xét duyệt, *lựa chọn dự toán kinh phí thực hiện* đề tài hợp lý cũng là phương thức lựa chọn đầu tư tài chính có hiệu quả cho từng đề tài, dự án khoa học.

3. Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và thanh quyết toán tài chính phù hợp với đặc điểm lao động trí não đặc thù nhiều hơn lao động vật hoá của KHXH.

Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính là khâu cơ bản của công tác quản lý tài chính. Thực tế hiện nay, quy trình, thủ tục hệ thống biểu mẫu, chứng từ thanh quyết toán, báo cáo tài chính so với các nước, rất phức tạp, rườm rà, chồng chéo làm mất nhiều công sức cho công tác quản lý tài chính - kế toán, cản trở việc phát huy tiềm lực khoa học, không kích thích được tính tích cực

trong lao động sáng tạo và trên thực tế cũng không kiểm soát được chặt chẽ quá trình sử dụng ngân sách nhà nước. Cho nên cần đổi mới phương thức quản lý, sử dụng tài chính cho KHXH theo hướng *tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị và cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án khoa học trong quản lý tài chính, giảm bớt các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng ngân sách*. Trên cơ sở thẩm định, xét duyệt chặt chẽ dự toán kinh phí có thể thực hiện *phương thức giao khoán toàn bộ kinh phí của đề tài, dự án khoa học* trong khuôn khổ kế hoạch tài chính trung hạn 3 - 5 năm được lập, xét duyệt chặt chẽ của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở kiểm soát chi, thanh quyết toán tài chính theo sản phẩm đầu ra của đề tài, dự án khoa học.

4. *Cần sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các định mức khoán chi cho hoạt động KH - CN nói chung, cho hoạt động KHXH nói riêng theo các loại hình nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, kết hợp nghiên cứu với đào tạo cán bộ, tổng kết thực tiễn cũng như định mức chi hoạt động thường xuyên*. Đây là yêu cầu cần thiết, làm cơ sở cho việc lập dự toán, xét duyệt đầu tư tài chính và khoán chi toàn bộ kinh phí cho đề tài, dự án khoa học. *Thông tư liên tịch số 45/2001/TTLT/BTC-BKHCNMT* ngày 18/6/2001 của Bộ TC và Bộ KHCNMT hướng dẫn một số chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ KH - CN, tuy có tiến bộ hơn Thông tư Liên Bộ TC - KHCNMT số 49/1995, nhưng qua 6 năm thực hiện đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết, lạc hậu so với thực tiễn, nhất là trong tình hình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay. Do vậy cần thiết phải sửa đổi bổ sung hoặc xây dựng mới chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ KH - CN bao

gồm đầy đủ chi phí của quy trình nghiên cứu và quản lý. Nội dung của việc sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các định mức khoán chi bao gồm:

- Cơ cấu lại, bổ sung đầy đủ nội dung dự toán theo quy trình nghiên cứu và quản lý của đề tài, dự án khoa học. Đồng thời xác định tỷ lệ % cơ cấu chi, theo những loại hình đề tài, dự án tiêu biểu, để khi có biến động về giá cả, chỉ cần nâng hệ số hợp lý là có các định mức khoán chi mới mà không cần phải xây dựng lại hoặc bổ sung, sửa đổi.

- Rà soát lại các định mức chi để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế hiện nay, nhất là khi chưa thực hiện phương thức khoán chi đầy đủ mà chỉ áp dụng Thông tư liên bộ số 93/2006 của Bộ TC - Bộ KH&CN về chế độ khoán một phần kinh phí của đề tài, dự án khoa học.

- Nghiên cứu đề xuất không phân biệt mức chi giữa đề tài, dự án khoa học cấp nhà nước, cấp bộ ngành vì trong khoa học khó có thể xác định hàm lượng chất xám theo cấp độ đề tài, dự án; đồng thời cũng khó phân biệt giá trị khoa học cao thấp theo cấp độ nhiệm vụ trong nghiên cứu khoa học xã hội. *Nghiên cứu sửa đổi định mức khoán chi thường xuyên đối với KHXH cho phù hợp với đặc thù, khác với khoán chi hành chính hiện nay, khuyến khích nghiên cứu cơ bản kết hợp với nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu kết hợp với đào tạo cán bộ trong hoạt động KHXH*.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung lập, xét duyệt dự toán kinh phí cho đề tài, dự án KHXH đầy đủ các yếu tố cấu thành chi phí hoạt động và quản lý khoa học. Đồng thời phân định rõ nguồn đầu tư ngân sách nhà nước chỉ tập trung đầu

tư cho những nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nhiệm vụ trọng điểm, nghiên cứu chiến lược, lĩnh vực công ích; *khuyến khích xã hội hoá mọi thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp đầu tư tài chính cho hoạt động KHXXH, trước mắt là nghiên cứu để tư vấn chính sách, đào tạo cán bộ và đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp.*

5. Xây dựng cơ chế sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, xây dựng các quỹ khoa học, tạo động lực cho hoạt động KHXXH, hướng dẫn sử dụng và quản lý có hiệu quả kinh phí của các đơn vị, tổ chức KH - CN được thụ hưởng ngân sách nhà nước.

Đây là một nội dung đặc biệt quan trọng. Cần nghiên cứu thực hiện tốt các văn bản, quy định của Nhà nước về *tăng*

cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức KH - CN và cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án trong hoạt động KHXXH. Nghiên cứu bãi bỏ những văn bản, quy định không còn phù hợp, đề xuất xây dựng các văn bản quản lý và sử dụng tài chính mới nhằm khuyến khích lao động sáng tạo, phát triển khoa học, nhất là các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thành lập và sử dụng có hiệu quả các quỹ nghiên cứu cơ bản, phát triển khoa học, đào tạo cán bộ, chính sách huy động vốn đầu tư tài chính (bao gồm cả cho vay lãi suất ưu đãi), chính sách khen thưởng, tôn vinh những người có đóng góp quan trọng trong các lĩnh vực hoạt động KH - CN nói chung, KHXXH nói riêng.